TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT
Ngày: 09-3-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06/3 và 09/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trung Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: S, Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1963. Địa chỉ: S, đường số M, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2022). *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Trần Chí L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số K, Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số nhà 33-35, đường L, Tổ T, Khóm B, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022). *(Có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Trung Hồ V, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1950; (chết); địa chỉ: Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn B:

3.2.1. Ông Trần Chí L, sinh năm 1976; địa chỉ: (Cửa hàng K - Ngã tư T) Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ M, Khóm B, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2.3. Ông Trần Anh T, sinh năm 1972; địa chỉ: đường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.4. Ông Trần Lê B, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, ông T, ông Bình: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số nhà 33-35, đường L, Tổ T, Khóm B, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2.5. Ông Trần Chí L, sinh năm 1978; địa chỉ: đường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

3.3. Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1972. *(Vắng mặt)*

3.4. Lê Thị Hồng N, sinh năm 1979. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Không số nhà, đường T, Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông Lê Minh N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.6. Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: đường P, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

3.7. Ông Lê Trung T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ M, Khóm H, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.*(Có mặt)*

3.8. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh P, Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Quốc lộ 30, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Thanh S, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; địa chỉ: Quốc lộ 30, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.*(Có mặt)*

4. Người kháng cáo: Ông Lê Trung Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Trần Đình H là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung Đ trình bày: Nguồn gốc diện tích 347,7m^2, thửa 208, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là của cụ Trần Thị T. Cụ T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi lại vào ngày 30/7/2003. Tháng 3/2007 Cụ T cho cháu tên là Trần Chí L mượn diện tích ngang 4,2m, dài 07m, diện tích 29,4m^2 sử dụng cất nhà kho chứa hàng. Năm 2010 Cụ T lập hợp đồng tặng cho ông Đ quyền sử dụng đất trong đó có thửa 208 và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/5/2010. Do ông L là con cháu trong gia đình nên ông Đ không yêu cầu ông L làm văn bản mượn đất, chỉ nói miệng khi nào ông Đ cần sử dụng thì ông L phải trả lại đất. Ngày 10/4/2017 Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi diện tích 0,2m^2, thửa 208, tờ bản đồ số 2 để làm đường theo Quyết định số 485/QĐ-UBND và có bồi thường cho ông Đ nên diện tích thửa 208 còn lại là 347,5m^2. Năm năm trôi qua ông L không còn sử dụng nhà kho, nhà kho để trống. Ông Đ đã yêu cầu ông L tháo dở, di dời nhà kho trả lại đất nhưng ông L không đồng ý và cho rằng Cụ T đã cho ông L phần diện tích đất này. Do đó, ông Đ yêu cầu ông L phải tháo dở, di dời nhà kho trả lại diện tích 29,4m^2, thuộc một phần thửa 208, tờ bản đồ số 3, tại phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Trung Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. diện tích trong phạm vi các mốc M 3, M 4, M 5, M 6.

Đối với yêu cầu của Lê Thị L, Lê Minh N, Lê Trung Hồ V, Lê Trung T ông Lê Trung Đ đồng ý tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho mỗi người

diện tích đất theo bản đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Ngô Thị Kim X người đại diện ủy quyền của ông Trần Chí L trình bày: Ông bà nội của ông L là cụ Lê Trung C (chết) và cụ Trần Thị T (chết) có 06 người con gồm Trần Văn B (cha ông L), Lê Trung C, Lê Trung N, Lê Trung Đ, Lê Thị L và Lê Trung T.

Cụ C và Cụ T có hai diện tích đất nằm cặp hai bên đường, trong đó có thửa 208, diện tích 347,7m^2. Cụ C, Cụ T có cho ông Đ diện tích đất phía trên đường, còn diện tích đất phía dưới sông Tiền thì Cụ T cho ông C, ông N, bà L, ông T và ông B, diện tích đất của mỗi người chiều ngang 4,2m, dài 14m, diện tích 58,8m^2, đất lâu năm. Riêng ông B do ở xa nên phần diện tích 58,8m^2 chia cho ông B, Cụ T cho ông L. Các cô chú đã nhận phần đất liền kề với đất ông L, đã xây dựng nhà, sử dụng ổn định trên 20 năm.

Ông L đã nhận đất sử dụng, có san lấp, cuốn bản đô, xây dựng căn nhà kết cấu vách tường và tol, mái tol, nền tráng xi măng chiều ngang 4,2m, dài 07m dùng để làm nhà kho chứa vỏ bình gas từ năm 2000. Ông L sử dụng liên tục nhưng cách nay 03 tháng ông Đ đã tháo dở, đập phá nhà, các vật dụng trong nhà ông Đ đem bỏ ra ngoài. Tài sản bị thiệt hại gồm: Căn nhà 40.000.000 đồng, vỏ bình gas 14kg x 50 vỏ x 250.000 đồng/bình = 12.500.000 đồng, bình có gas (không tính vỏ) là 10 bình x 250.000 đồng/bình = 2.500.000 đồng, vỏ bình nước 50 bình x 25.000 đồng/bình = 1.250.000 đồng. Tổng số tiền là 56.250.000 đồng.

Năm 2010 Cụ T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đ phần diện tích đất phía trên đường, còn phần đất lâu năm dưới bờ Sông Tiền của mỗi người nhỏ, không đủ diện tích tách thửa nên tạm thời Cụ T chuyển tên cho ông Đ đứng tên. Vì là chú cháu ruột và ông chị em trong nhà, ông Đ cũng không có trông chấp diện tích các ông, chị em và ông L sử dụng.

Nay ông L yêu cầu: Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 58,8m^2, thửa 208, tờ bản đồ số 3, tại phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Trung Đ đứng tên để cấp lại quyền sử dụng đất cho ông L đứng tên.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 56.250.000 đồng ông L rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu ông Lê Hồ Trung V tháo dỡ vật kiến trúc và di dời tài sản trên diện tích đất tại thửa 208, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để trả lại cho ông L diện tích đất chiều ngang 4,2m, chiều dài 7m.

- *Ông Lê Trung Hồ V trình bày*: Nguồn gốc đất trông chấp là của cụ Trần Thị T (chết năm 2016) và cụ Lê Trung C (chết 2015). Cụ T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm nào, diện tích bao nhiêu không biết, chỉ biết phần đất phía trên lộ và phần đất dưới lộ T. Hai cụ có 05 con chung tên Lê Trung C (chết năm 2020 có các con gồm: Lê Trung Hồ V, Lê Thị Ngọc N sinh năm 1973, Lê Thị Hồng N sinh năm 1979); Lê Trung N (chết năm 1984) có một con tên Lê Minh N sinh năm 1979; Lê Trung Đ; Lê Thị L và Lê Trung T. Còn ông Trần Văn B là con riêng của Cụ T, hiện nay đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, không biết địa chỉ cụ thể. Ông B có 4 con gồm có tên G (không biết chữ lót), Trần Chí B, Trần Chí L, Trần Chí L, không biết địa chỉ.

Năm 2010 không nhớ ngày tháng Cụ T có tặng cho ông Đ phần đất phía trên lộ. Còn phần đất từ mé lộ đến mé Sông Tiền, Cụ T, Cụ C cho ông Lê Trung N do ông Ng chết nên cho con là ông N sử dụng, bà Lê Thị L và ông Lê Trung T mỗi người được cho chiều ngang 4,2m, dài từ lộ đến mé sông Tiền, phần còn lại cho ông Đ do sinh sống cùng cha mẹ, nuôi và chăm sóc cha mẹ đến gần 100 tuổi, sức khỏe tốt, minh mẫn. Sau khi cho những người con của Cụ T, Cụ C đã nhận đất và sử dụng.

Cụ T, Cụ C không chia cho ông C và ông B, vì đã chia cho nơi khác, kinh tế khá.

Khoảng năm 2012 ông C làm ăn thất bại, bán hết tài sản trả nợ, không có chỗ ở nên ông Đ cất nhà kêu ông C, ông V cùng vợ con về ở trên đất và ông Đ cho chiều ngang 4,2m, dài đến mé sông Tiền sinh sống đến nay. Nhà kho phía sau căn nhà đang trông chấp chỉ có tôi sử dụng.

Ông L kinh doanh cửa hàng gas nên bắt buộc phải có nhà kho chứa bình gas. Vì vậy, năm 2007 ông L hỏi mượn đất Cụ T để xây nhà kho chứa bình gas, không có làm giấy tờ. Ông L chỉ để có vài bình gas, lâu lâu ông L đến mở cửa xem có trộm cắp không rồi đi. Thỉnh thoảng có khoảng 10 bình gas, không sử dụng nhà kho thường xuyên. Cách nay khoảng 6 năm ông L không sử dụng nhà kho, đóng cửa nên ông V có bao quông phía trước nhà nuôi gà, đem tủ,

ghế để qua nhà kho sử dụng vài năm, ông L cũng không có ý kiến.

Ông L không sử dụng hết đất, phần nhà kho hiện nay ông V sử dụng trước đây ông Đ làm nhà trọ cho thuê. Khi cất nhà cho ông C ở, không còn lối đi nên cho ông V làm nhà kho.

Nếu giao đất cho một trong các bên đương sự thì ông V tự tháo dở, di dời không yêu cầu bồi thường, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nhà kho và tài sản.

- Bà Lê Thị L, ông Lê Minh N, ông Lê Trung Hồ V và ông Lê Trung T trình bày:

Ông Lê Trung Đ đang đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 347,5m^2 đất chuyên trồng lúa nước, thửa 208, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi cho ông Đ đứng tên ngày 13/11/2019.

Nguồn gốc đất nêu trên là của cha tên Lê Trung C (chết năm 2015), mẹ tên Trần Thị Thu (chết năm 2016). Ông C và bà Thu lớn tuổi, để tiện giao dịch Ngân hàng nên giao cho ông Đ là người ở chung với ông C và bà Thu đứng tên quyền sử dụng đất.

Lúc còn sống, ông C và bà Thu chia cho bà Lê Thị L, ông Lê Minh N, ông Lê Trung Hồ V và ông Lê Trung T mỗi người 71,4m^2 đất nằm trong 347,5m^2 đất, thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trên diện tích đất ông C và bà Thu cho mỗi người thì: Bà Liên đang để trống, ông Nhựt cất nhà cấp 4, vách tường, lợp tol, nền gạch men; ông T cất nhà tiền chế, cột bằng sắt, lợp tol, vách tol, nền tráng xi măng và ông V cất nhà cấp 4.

Bà Lê Thị L, ông Lê Minh N, ông Lê Trung Hồ V và ông Lê Trung T yêu cầu ông Đ tách thửa chuyển quyền sử dụng đất nhưng đến nay ông Đ chưa thực hiện.

Nay bà Lê Thị L, ông Lê Minh N, ông Lê Trung Hồ V và ông Lê Trung T yêu cầu công nhận mỗi người diện tích theo diện tích xem xét thẩm định tại chỗ đất nằm trong 347,5m^2 đất, thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 2, loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Trung Đ đang đứng tên quyền sử dụng đất.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Trần Văn B*: Bà Nguyễn Thị M chị Trần Anh T, ông Trần Lê B, ông Trần Chí L có người đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Thị Kim X không có yêu cầu, thống nhất theo lời trình bày của ông Trần Chí L.

- *Bà Lê Thị Ngọc N và bà Lê Thị Hồng N*: Không có ý kiến.

- *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp*: Không có ý kiến.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu ông Lê Trung Đ.

Công nhận ông Trần Chí L được sử dụng đất trong phạm vi các mốc M2, M4, M20, M23, M6, M7 về M2, diện tích 53,1m^2.

Buộc ông Trần Chí L có nghĩa vụ trả giá trị đất cho ông Lê Trung Đ số tiền 3.982.500 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lê Trung Đ tự nguyện hỗ trợ cho ông Trần Chí L 10.000.000 đồng.

[2]. Đình chỉ yêu cầu ông Trần Chí L yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bình ga và thiệt hại về nhà đối với số tiền 56.250.000 đồng.

[3]. Công nhận sự thỏa thuận bà Lê Thị L, ông Lê Minh N, ông Lê Trung Hồ V, ông Lê Trung T và ông Lê Trung Đ.

Công nhận bà Lê Thị L được sử dụng đất trong phạm vi các mốc M11, M12, M16, M17, M10 về M11, diện tích 63,2m^2.

Công nhận ông Lê Minh N được sử dụng đất trong phạm vi các mốc M9, M10, M17, M18, M19 về M9, diện tích 58,8m^2.

Công nhận ông Lê Trung Hồ V được sử dụng đất trong phạm vi các mốc M2, M9, M19, M20 về M2, diện tích 55,9m^2.

Công nhận ông Lê Trung T được sử dụng đất trong phạm vi các mốc M12, M13, M14, M15, M16 về M12, diện tích 77,7m^2.

Buộc ông Lê Trung Hồ V di dời các tài sản trên đất trong phạm vi các mốc M4, M5, M23, M20 về M4 giao lại đất cho ông Trần Chí L sử dụng.

Ông Trần Chí L, ông Lê Trung Hồ V, ông Lê Minh N, bà Lê Thị L và ông Lê Trung T được đi đăng ký quyền sử dụng đất tại các mốc trên theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ diện tích được thể hiện qua bản đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 04/6/2020 và ngày 05/3/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21/9/2022, ông Lê Trung Đ kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm; yêu cầu ông Trần Chí L trả lại diện tích đất tranh chấp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Hùng trình bày: Ông Lê Trung Đi kháng cáo không đồng ý bản án tuyên buộc ông Trần Chí L trả cho ông giá trị đất mà yêu cầu phải trả lại đất, vì phần đất tranh chấp là của ông Đ đã được cụ T tặng cho hợp pháp và ông L cũng không còn nhu cầu sử dụng nhà kho cất trên đất.

+ Bà Xuyến trình bày: Ông L không thỏa thuận được với ông Đ về giải quyết vụ án. Yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Trung Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Chí L trả lại phần đất đã cho ông L mượn sử dụng, Tòa án thành phố C thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông Đ kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Ông Đ ủy

quyền cho ông Trần Thanh H, ông L ủy quyền cho bà Ngô Thị Kim X, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm phù hợp quy định nên chấp nhận. Bà N, bà N, ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định; ông Nguyễn Thanh S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phù hợp quy định nên chấp nhận.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Trần Thị T, diện tích 53,1m^2 thửa số 208 tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông Đ ngày 13/11/2019, đất tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông Đ cho rằng trước đây thửa đất số 208 có diện tích là 347,7m^2 được cấp giấy chứng nhận cho cụ T vào ngày 30/7/2003, đến năm 2010 thì cụ T lập hợp đồng tặng cho QSDĐ cho ông Đ toàn bộ diện tích đất nói trên và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận ngày 12/5/2010 (do có thu hồi một phần diện tích 0,2m^2 nên đã được cấp lại giấy chứng nhận khác ngày 13/11/2019). Ông L mượn đất sử dụng cất nhà kho vào năm 2007 nên yêu cầu trả lại đất. Đối với ông L thì cho rằng cụ T đã cho ông phần đất theo hiện trạng đã cất nhà kho vào năm 2000, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông Đ.

Nhận thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2020 ông Đ thừa nhận cụ T là người cho ông L cất nhà kho và cũng không nói thời gian phải di dời nhà kho để giao lại đất, nhà kho có nền gạch tàu, khung bê tông, mái lợp tol. Khi cụ T lập hợp đồng tặng cho QSDĐ thì cụ cũng không có yêu cầu ông L di dời nhà trả đất. Đồng thời tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2020 ghi nhận: *"Anh Đ và anh L thống nhất nhà kho của anh L xây dựng năm 2000"*. Qua đó cho thấy việc ông L cất nhà kho là được cụ T cho sử dụng đất vào năm 2000, vì thời điểm này cụ T mới là người có quyền quyết định đối với phần đất tranh chấp, quá trình sử dụng đất của ông L đã ổn định gần 20 năm và khi cụ T còn sống cũng không có yêu cầu ông L trả đất hoặc ngăn cản việc ông L sử dụng đất làm kho chứa bình ga để kinh doanh. Theo Công văn số 686/CNVPĐKĐĐ-TPCL ngày 04/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C xác nhận khi cấp giấy chứng nhận cho ông Đ thì không có đo đạc.

Theo lời khai của bà Lê Thị L, ông Lê Minh N, ông Lê Trung Hồ V và ông Lê Trung T xác định vợ chồng cụ C và cụ T có cho các đương sự mỗi người một phần đất để cất nhà ở, nên việc tặng cho đất vào năm 2010 thì

không có diện tích đất do các ông bà đã cất nhà ở. Vậy thủ tục tặng cho là hết thửa đất nhưng thực tế chỉ có cho ông Đ một phần diện tích.

Mặt khác việc cụ T giao cho ông L một phần đất để sử dụng tuy không có làm giấy tờ cho đất hay cho mượn đất, nhưng cụ T là bà nội của ông L và đây cũng là nguyện vọng của cụ T tạo điều kiện cho cháu nội kinh doanh, quá trình sử dụng đất cụ T cũng không có ý kiến đề cập đến việc yêu cầu ông L giao trả đất cho ông Đ (cụ T là mẹ của ông Đ). Ông L sử dụng đất ổn định lâu dài trên đất của ông bà nội, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên hiện trạng cho ông L được QSDĐ và ông L phải trả giá trị đất cho ông Đ là phù hợp, nên kháng cáo của ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng điều chỉnh phần tuyên án để bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật. Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 98, 99, 100, 203 Luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Trung Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm (có điều chỉnh tuyên án).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu ông Lê Trung Đ.

Công nhận ông Trần Chí L được quyền sử dụng đất diện tích 53,1m^2 một phần thửa 208 tờ bản đồ số 3, trong phạm vi các mốc M2, M4, M20, M23, M6, M7 về M2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê

Trung Đ ngày 13/11/2019, đất tại Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Trần Chí L có nghĩa vụ trả giá trị đất cho ông Lê Trung Đ số tiền 3.982.500 đồng.

Công nhận sự tự nguyện hỗ trợ tiền của ông Lê Trung Đ. Ông Đ phải giao cho ông Trần Chí L số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu ông Trần Chí L yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bình ga và thiệt hại về nhà đối với số tiền 56.250.000 đồng.

Buộc ông Lê Trung Hồ V di dời các tài sản trên đất trong phạm vi các mốc M4, M5, M23, M20 về M4 giao lại đất cho ông Trần Chí L sử dụng.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(kèm bản đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày ngày 05/3/2021).

4. Về án phí:

Ông Lê Trung Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp là 3.750.000 đồng và 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0004629 ngày 06/5/2020 và số 0011578 ngày 29/9/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố C tỉnh Đồng Tháp. Ông Đ được nhận lại số tiền 3.750.000đ.

Ông Trần Chí L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007761 ngày 16/3/2021. Ông L được nhận lại số tiền 1.406.000 đồng theo biên lai thu số 0004774 ngày 09/6/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố C tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản :

Ông Trần Chí L phải chịu 4.201.000 đồng. Ông Lê Trung Đ đã tạm ứng và đã chi xong nên ông Trần Chí L có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Trung Đ là 4.201.000 đồng.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vạng